

Bản án số: 119/2018/HSST
Ngày: 21/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bích Thân**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí quận Bình Thạnh

2/ Bà **Nguyễn Thị Liêm**

Nghề nghiệp: Ủy viên Thường vụ Hội liên hiệp phụ nữ quận Bình Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hòa**—Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên
tòa:** Ông **Nguyễn Quang Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2018/HSST ngày 30/7/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/QĐXX ngày 10/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: T; giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1983; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Đường 123, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở : không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: không; Chức vụ: không; Trình độ học vấn: 10/12; Họ tên cha: N; Họ tên mẹ: B; Anh chị em có 03 người, bị can là người thứ 3; Chưa vợ con; Tiền án, tiền sự : không.

Lịch sử bản thân:

- Ngày 30/06/2005, Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bản án số 40/2005/HSST.

- Ngày 05/04/2013, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án số 43/2013/HSST. Đã thi hành xong khoản án phí HSST 200.000 đồng

Tạm giam từ ngày 14/04/2018 (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

Bà S, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường xx, phường y, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 14/04/2018, T ngồi uống nước tại Quận 7 thì có bạn tên M (không rõ lai lịch) đi xe gắn máy kiểu dáng Dream II (không rõ biển số) đến rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Sau đó, M điều khiển xe chở T đi qua nhiều tuyến đường để tìm tài sản sơ hở cướp giật. Đến khoảng 15 giờ 35, khi đi đến trước Đường aaa, phường Y, quận Bình Thạnh thì cả 2 thấy chị N đang ngồi trên xe máy dừng trước nhà trên và đang sử dụng điện thoại gọi người nhà ra mở cửa. T xuống xe đi bộ từ phía sau tới giật điện thoại của chị N rồi chạy leo lên xe tên M định bỏ chạy thì bị chị N đuổi theo xô ngã T xuống đất và làm rớt điện thoại ra đường T nhặt điện thoại lên và bỏ chạy bộ, tên M điều khiển xe bỏ chạy thoát. Lúc này, có anh Đàm Tuấn H và tổ tuần tra Công an phường M phát hiện đuổi theo, T rút dao bấm trong người ra để hù dọa ngăn cản truy bắt thì bị tổ tuần tra tước dao bắt giữ cùng tang vật.

Tại cơ quan Điều tra, T khai nhận hành vi cướp giật điện thoại di động của chị N như trên.

Tại bản cáo trạng số 113/CTr –VKS ngày 12/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm đ, khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017..

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hiện quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo T phạm tội cướp giật tài sản; áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 171, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 4 năm tù.

- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 dao bấm.

- Về phần dân sự bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì tranh luận với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước tòa, cho thấy bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 13 giờ ngày 14/04/2018, đối tượng tên M (chưa rõ lai lịch) đi xe gắn máy đến rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý, khi cả hai đi đến trước số Đường aaa, phường Y, quận Bình Thạnh thì M nhìn thấy chị N đang sử dụng điện thoại và kêu T giật điện thoại, T xuống xe đi bộ từ phía sau áp sát chị N và nhanh chóng giật điện thoại của chị N rồi chạy lên xe tên M bỏ chạy thì bị chị N đuổi theo xô ngã, tiếp đến anh K và tổ tuần tra Công an Phường 12, quận Bình Thạnh phát hiện đuổi theo, T rút dao bấm trong người ra để dọa lực lượng chức năng nhằm tẩu thoát thì bị tổ tuần tra tước dao bắt giữ cùng tang vật.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐGTS-TCKH ngày 05/06/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bình Thạnh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S có trị giá 3.000.000 đồng. (BL:18, 19)

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì lòng tham lười lao động và có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, bị cáo đã có hành vi tiếp cận, áp sát để nhanh chóng giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá có giá trị là 3.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, khi người dân và tổ tuần tra Công an Phường 12, quận Bình Thạnh phát hiện đuổi theo, bị cáo đã có hành vi rút dao bấm trong người ra để chống trả nhằm ngăn cản sự truy bắt thì bị bắt giữ cùng tang vật. Hành vi này của bị cáo là rất nguy hiểm thuộc trường hợp hành hung để tẩu

thoát, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về động cơ, mục đích, vai trò phạm tội và nhân thân của bị cáo: Chỉ vì cần tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương, hành vi bị cáo thực hiện có thể gây ra thiệt hại về tính mạng và sức khỏe của người khác. Mặt khác, nhân thân bị cáo đã hai lần bị Toà án xử về các tội danh khác nhau, mặc dù các bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xoá án tích nhưng cho thấy bị cáo không chịu cải sửa bản thân lại tiếp tục phạm tội với mức độ hành vi nguy hiểm hơn nên cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án phạm tội có tính chất đồng phạm, đối tượng M (chưa rõ lai lịch) là người rủ rê, bị cáo T là người trực tiếp giết tài sản, nhưng các bị cáo không tổ chức cấu kết chặt chẽ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên khi lượng hình cũng cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân của bị cáo.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

[5] Về xử lý vật chứng :

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S của chị N, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chị N nên không xem xét

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 là tài sản riêng của bị cáo T, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo

- 01 con dao bấm dài khoảng 20cm thu giữ của T là chứng cứ vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về phần dân sự: Chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 171; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 45 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bấm dài khoảng 20cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP. HCM
- VKSND Q-Bình Thạnh
- THA DS Q. BT
- Trại giam
- THA HS
- Phòng PC 83 - CA TP.HCM
- UBND nơi bị cáo cư trú
- Bị cáo
- Những người tham gia TT
- Lưu VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Tuấn Anh